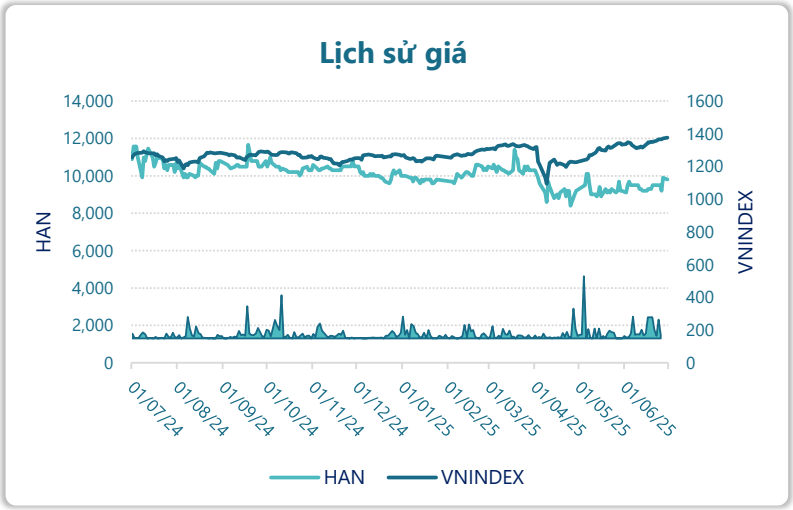
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (UPCOM: HAN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,660
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
SL cổ phiếu LH	141,048,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,985
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,382
P/E	24.7
EPS	397

DT thuần

Q2/25

890

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0| 2.6%

YoY: ▲ 188| 26.7%

LN sau thuế

Q2/25

19.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.4| 488%

YoY: ▼1.70| -8.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.6%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

6T 2025

1,756

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 514| 41.4%

LN sau thuế

6T 2025

23.1

tỷ VNĐ

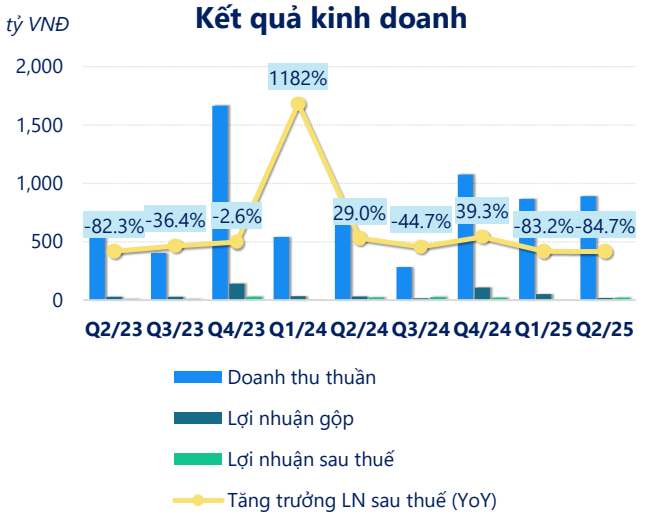
ROE

Q2/25

3.4%

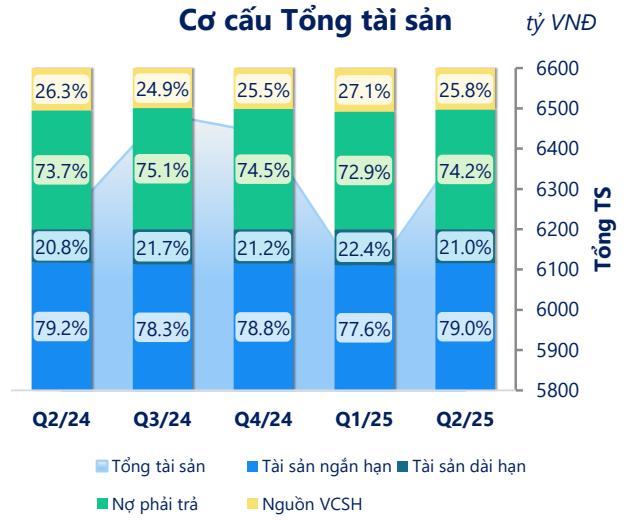
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



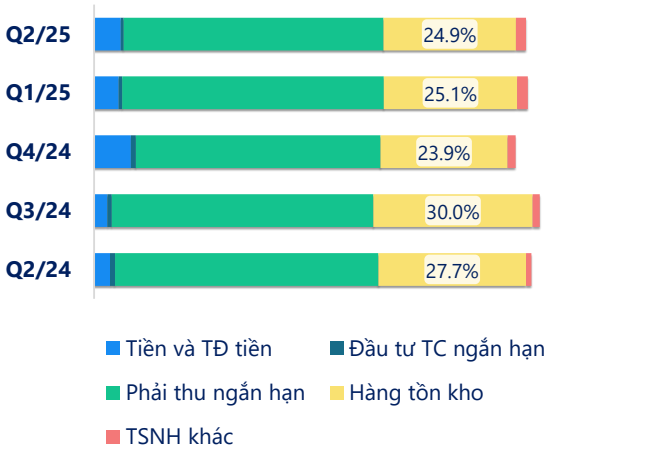
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



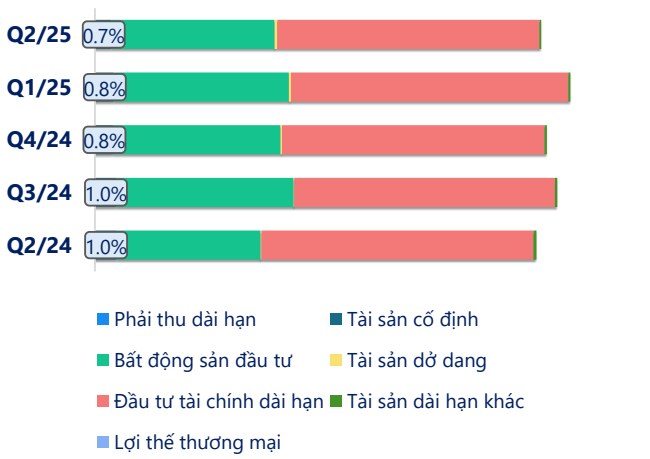
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



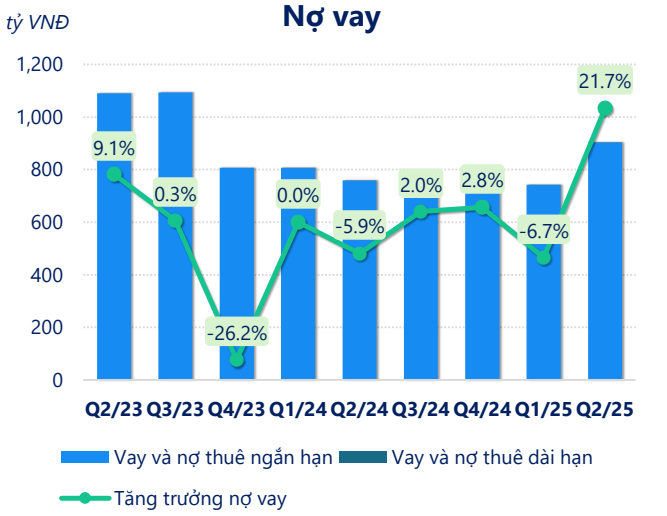
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



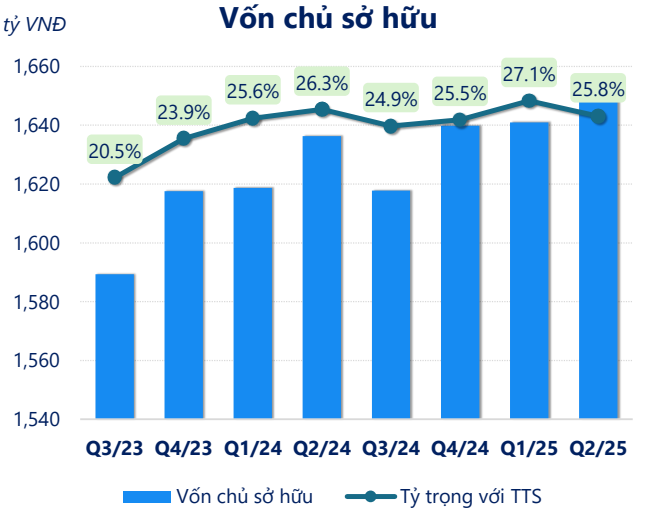
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



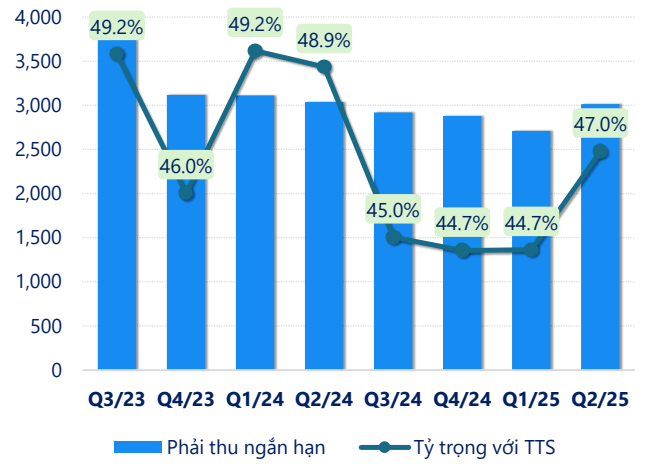
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



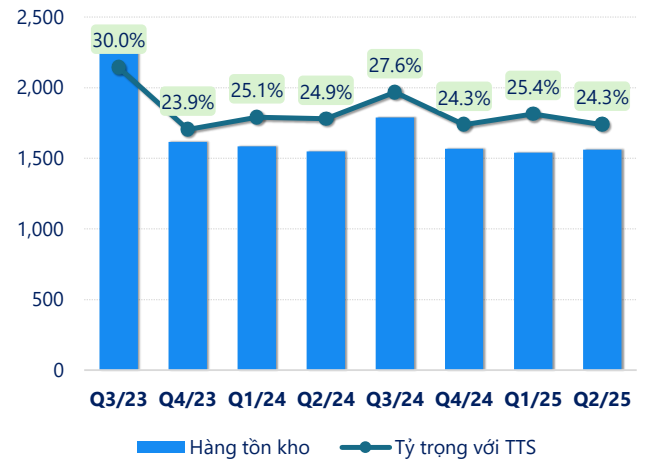
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



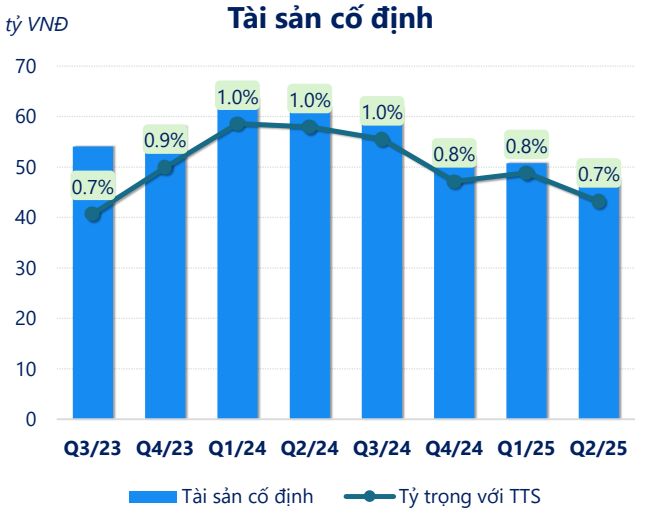
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



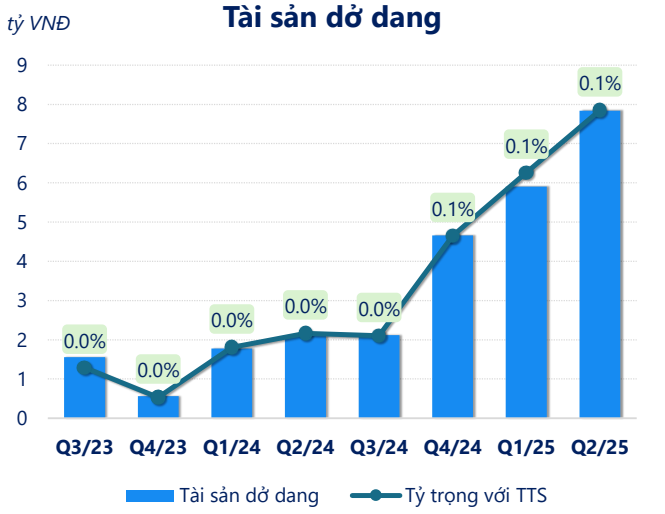
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



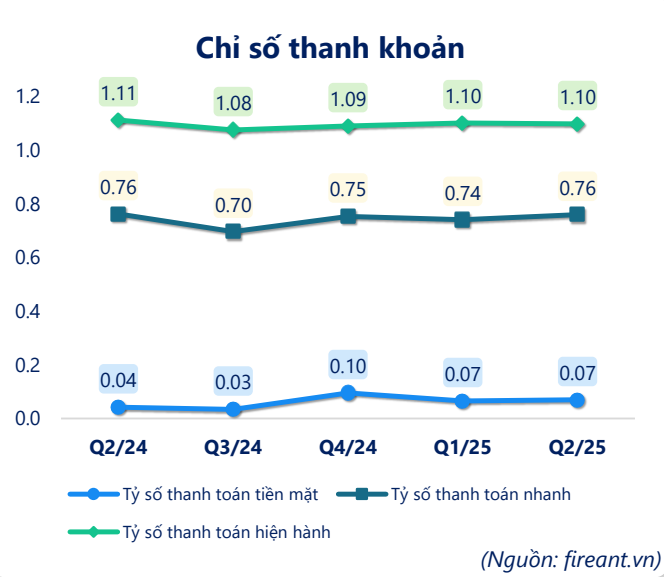
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



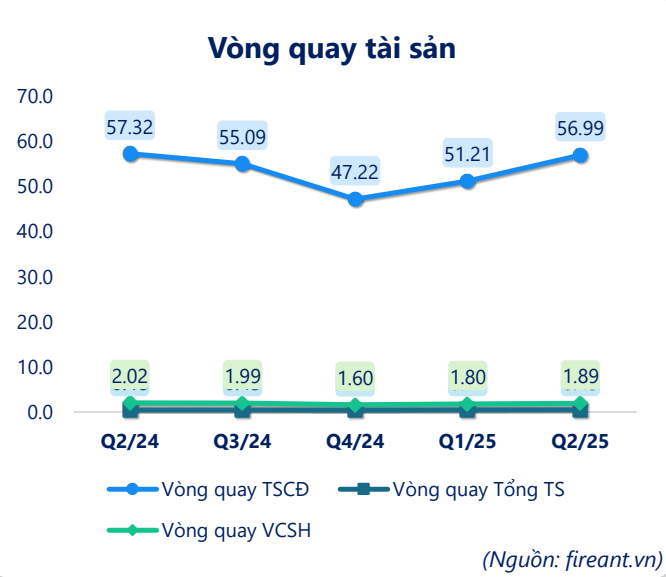
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,213**	**6,486**	**6,439**	**6,060**	**6,416**
Tài sản ngắn hạn	**4,923**	**5,076**	**5,071**	**4,705**	**5,070**
Tiền và tương đương tiền	186	160	443	280	320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.9	52.9	47.7	24.7	8.65
Phải thu ngắn hạn	3,036	2,920	2,879	2,710	3,013
Hàng tồn kho	1,548	1,788	1,566	1,540	1,562
Tài sản ngắn hạn khác	117	156	135	150	166
Tài sản dài hạn	**1,290**	**1,410**	**1,368**	**1,355**	**1,346**
Phải thu dài hạn	1.68	2.68	2.68	2.75	2.75
Tài sản cố định	61.7	61.7	52.1	50.8	47.5
Bất động sản đầu tư	421	541	507	499	492
Tài sản dở dang	2.09	2.12	4.66	5.90	7.84
Đầu tư tài chính dài hạn	795	795	795	791	791
Tài sản dài hạn khác	8.28	7.12	6.80	6.01	5.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,576**	**4,868**	**4,799**	**4,419**	**4,763**
Nợ ngắn hạn	**4,427**	**4,722**	**4,652**	**4,273**	**4,618**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	758	774	795	742	903
Phải trả người bán ngắn hạn	1,054	1,117	1,253	1,146	1,279
Nợ dài hạn	149	147	147	146	145
Vay và nợ thuê dài hạn	1.05	0	0.78	0.65	0.53
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,636**	**1,618**	**1,640**	**1,641**	**1,653**
Vốn chủ sở hữu	**1,636**	**1,618**	**1,640**	**1,641**	**1,653**
Vốn điều lệ	1,410	1,410	1,410	1,410	1,410
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)